

TIÊU CHÍ TẢ THỰC TRONG TRUYỆN NGẮN NAM BỘ ĐẦU THẾ KỶ XX - TỪ VÀ QUA NHỮNG ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HỌC PHÁP

TRẦN THỊ BẢO GIANG^(*)

Trong quá trình tồn tại và phát triển, nền văn hóa nói chung và văn học nói riêng, Việt Nam luôn tiếp xúc, giao lưu, chịu sự chi phối mạnh mẽ và liên tục từ nền văn hóa, văn học của các quốc gia khác. Với những kẻ “lạ mặt” cùng “làn gió Âu”, xã hội Việt Nam đã có những biến đổi lớn và chính những biến đổi này tạo những tiền đề quan trọng cho quá trình đổi mới văn học nước ta theo hướng hiện đại hóa đầu thế kỷ XX. Tiếp nhận, học hỏi văn học Pháp, rộng hơn là văn học phương Tây, văn xuôi Việt Nam nói chung, truyện ngắn Nam Bộ đầu thế kỷ XX nói riêng đã hướng đến chọn tiêu chí “tả thực”, chọn cách “viết chuyện xứ mình” như một định hướng mới cho các tác giả. Từ đó, phạm vi đề tài trong các sáng tác được mở rộng và truyện ngắn hiện đại có đầy đủ khả năng khai thác mọi góc ngách của đời sống.

1. Từ sự xuất hiện của tiêu chí “tả thực”

Một trong những biến động xã hội lớn của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX chính là sự hình thành của *phạm trù thành thị* cùng sự ra đời của lớp cư dân đô thị. Cụ thể hơn, hiện tượng thị dân hóa diễn ra khá ồ ạt khi một bộ phận không nhỏ nông dân đã rời làng quê, thôn xóm ra chốn thị thành lập nghiệp. Cũng từ đó, nếp sống bất dịch dần làm quen với sự chấp nhận xê dịch. Và, như một lẽ tất yếu, hệ quả kéo theo của sự chấp nhận xê dịch trong nếp sống là những biến đổi lớn trong nếp nghĩ.

Có một chi tiết tương như ngoài lề thế này. Ngày 28 tháng 1 năm

(*) ThS - Khoa Ngữ văn và Văn hóa học, Đại học Đà Lạt.

1870, khi thông tri của thực dân Pháp về việc yêu cầu các thông ngôn, giáo tập ở các địa phương hàng tháng phải gửi cho tòa soạn báo *Gia Định* bài viết của họ về những sự việc xảy ra nơi họ đang sống và làm việc thì khái niệm “tả thực” (ở một góc độ nhất định, cũng đồng nghĩa với “tả chân”) trong văn học Việt Nam nói chung, trong quá trình phát triển của truyện ngắn Nam Bộ nói riêng chính thức hội tụ những điều kiện cần và đủ để xuất hiện và tồn tại:

“Quan Lại bộ thượng thư gửi lời cùng thầy thông ngôn, thầy giáo tập đặng hay: nay việc làm *Gia Định* báo tại Sài Gòn ở một chỗ nên không có lẽ mà biết cho hết các việc mới lạ các nơi trong 6 tỉnh mà làm ra cho thiên hạ coi, nên xin các thầy cứ mỗi tuần hay là nửa tháng phải viết những chuyện mình biết tại chỗ, tại xứ mình ở như: *Chuyện ăn cướp ăn trộm. Bệnh hoạn tai nạn. Sự rủi ro, cạp bắt sáu ăn. Cháy chợ, cháy nhà. Mùa màng thế nào? Tại sở nghề nào thanh, vân vân...*

Nói tắt một lời là những chuyện mới lạ đáng đem vô nhứt trình cho người ta biết. Viết rồi thì phải đề mà gửi về cho *Gia Định* báo chánh tổng tài ở Chợ Quán”⁽¹⁾.

Cũng trên *Gia Định* báo, số 3 ngày 28 tháng 1 năm 1870 này, Trương Vĩnh Ký đã nhấn mạnh: “Xin các thầy chớ quên đề ngày, đề chỗ hẳn hoi. Phép làm chuyện phải kể tại chỗ nào? Ngày nào, tháng nào? Nhơn có làm sao? Ban đầu làm sao? Khúc giữa thế nào? Sau hết ra việc gì? Lợi hay hại, may hoặc rủi, vân vân...”⁽²⁾.

Từ đó, có thể thấy những quan niệm về đổi mới văn học nói chung, văn xuôi Việt Nam mà cụ thể là truyện ngắn hiện đại nói riêng đã định hình khá rõ nét: trước hết là câu chuyện phải có thực hoặc “giống như thực”, sau nữa là có mở đầu, có “chuyện”, có kết thúc, có thời gian, không gian, có đính kèm cả những nhận định của tác giả... Những quan niệm này đã được các tác giả văn xuôi ứng dụng rất nhanh chóng. Ngay trong lời tựa cuốn *Thầy Lazaro Phiền* (1887) - một trong số những tác phẩm được xem là mở đầu cho nền văn học viết bằng chữ quốc ngữ - tác giả Nguyễn Trọng Quản đã xác định: “Đã biết rằng: xưa nay dân ta chẳng thiếu chi thơ, văn, phú, truyện nói về những đấng anh hùng hào kiệt, những tay tài cao trí cả rồi đó; mà những đấng ấy thuộc về đời xưa chớ đời nay chẳng còn nữa. Bởi đó tôi mới dám bày đặt một truyện đời nay là

sự thường có trước mặt ta luôn, như vậy sẽ có nhiều người lấy lòng vui mà đọc, kẻ thì cho quen mặt chữ, người thì cho đặng giải phiền một giây”⁽³⁾.

Tiếp đó, năm 1907, báo *Nông cổ mín đàm* (1901) – tờ báo đã giành một mục cho văn chương và liên tục đăng tải các sáng tác văn xuôi, thơ, các tác phẩm dịch, phỏng dịch – khởi xướng cuộc thi viết tiểu thuyết với quy định: “viết phải căn cứ vào nhân vật, phong tục xã hội hiện thời, cho người đọc cảm thấy dường như là truyện có thật vậy”⁽⁴⁾ đã góp phần tạo một bước chuyển biến đáng kể trong phương thức tư duy tự sự của các nhà văn cũng như của đông đảo bạn đọc.

Tân thư của Trung Quốc, những tư tưởng mới lạ, tiến bộ từ Pháp, trong đó có tư tưởng Khai sáng thế kỷ XVIII đã được các trí thức (vốn là các nhà nho) yêu nước đón nhận như: dùng ánh sáng của tư duy, của lý trí để phá tan sự u tối, mịt mù của những gì lạc hậu, cổ hủ, lỗi thời; hướng đến với sự dân chủ, công bằng, tiến bộ trong cuộc sống; đề cao yếu tố “hành động” trong đời sống cá nhân con người... Thêm vào đó, những thiên khảo cứu về Descartes, về Montesquieu, về Voltaire, về Rousseau, về Auguste Comte... trên Nam Phong khiến cho khuynh hướng thiên về tình cảm vốn dĩ đóng vai trò chủ đạo trong đời sống người phương Đông nói chung, người Việt Nam nói riêng đã va chạm với khuynh hướng thiên về lý trí từ phương Tây. Những tư tưởng của René Descartes (1596 - 1650) như “*Tôi tư duy vậy tôi tồn tại*” (tiếng Latin: *cogito, ergo sum*) và thước đo của bất kỳ nhận thức nào, kể cả nhận thức nghệ thuật, đều không phải là cảm giác hay kinh nghiệm mà là lý trí... dần được những trí thức Việt Nam đón nhận. Từ đó, văn học cũng dần loại bỏ yếu tố hoang đường ra khỏi các sáng tác, hướng đến tôn trọng sự tồn tại có thật của thế giới, lấy lý trí làm “*nguồn duy nhất của sự trong sáng và giá trị*” (chữ dùng của Nicolas Boileau), chủ trương đưa những yếu tố “có thật” hoặc “giống như thật” vào tác phẩm.

Cũng trên *Nam Phong* tạp chí số 7 có đăng *Điều lệ về cuộc thi thơ văn* của bản báo gồm 12 điều, trong đó điều thứ 4 đưa ra quy định rất rõ: “Tiểu thuyết phải làm theo lối Âu châu, tự đặt ra, không được dịch hoặc bắt chước truyện Tàu, truyện Tây. Phải dùng phép “tả thực” không được bịa đặt những việc hoang đường kỳ quái. Trọng nhất là tả được cái tâm lý người ta cùng cái tình trạng trong xã hội. Không nên đặt những truyện

có thể phương hại đến luân lý và tôn giáo, hoặc quan hệ đến chính trị”⁽⁵⁾. Tất cả những yếu tố trên đóng vai trò như những tiền đề cho bước đột phá trong quan điểm về đổi mới văn học.

Như vậy, khái niệm “tả thực”, tiêu chí “tả thực” đã xuất hiện trên văn đàn và trở thành yếu tố không thể thiếu, nếu không muốn nói là đóng vai trò thiết yếu trong hoạt động sáng tác văn xuôi ngay từ những năm cuối thế kỷ XIX đến 30 năm đầu thế kỷ XX. Tựu trung lại, tiêu chí “tả thực” trong văn xuôi Việt Nam giai đoạn này có thể phác họa dựa trên hai nét nghĩa chính: thứ nhất, “tả thực” (xuất phát từ quá trình tiếp nhận, chịu ảnh hưởng) chính là học tập những kỹ thuật miêu tả, kể chuyện từ phương Tây (phạm vi hẹp là Pháp) trong việc tái hiện bức tranh hiện thực đa sắc của xã hội đương thời và thể hiện đời sống tâm lý của con người như nó vốn có; thứ hai, đặt trong sự đối trọng với văn học thời kỳ trước (gồm văn học trung đại, văn học dân gian), “tả thực” là loại bỏ tính ước lệ, khuôn sáo hay hoang đường, kì dị để tác phẩm trở nên “hợp lý” và “giống như thật”.

2...Đến nhu cầu “viết chuyện xứ mình” và sự mở rộng biên độ của đề tài phản ánh

“Các truyện ngắn của giai đoạn đầu nền văn học Nam Bộ đã phản ánh khá rõ nét cuộc tiếp xúc giữa văn hóa dân tộc và văn hóa Pháp do nhà trường và lối sống dưới chế độ thuộc địa đưa vào. Văn hóa dân tộc đang phát triển bằng cách xóa bỏ những tư tưởng xưa cũ, những lễ thói lạc hậu và tiếp nhận những đổi mới phù hợp với tinh thần dân tộc”⁽⁶⁾. Khảo sát những truyện ngắn Nam Bộ cụ thể, chúng tôi nhận thấy các tác phẩm đã hướng đến thể hiện khả năng miêu tả sinh động thể thái nhân tình, chuyển tải được nhiều tư tưởng về cuộc đời, hay nói cách khác, đó là tập trung “viết chuyện xứ mình”. Thiết nghĩ, đây chính là một trong những yếu tố đóng vai trò cốt lõi của tiêu chí “tả thực” trong văn học.

Trước hết, tiêu chí “tả thực” và những “câu chuyện xứ mình” được “nhận dạng” rõ nét khi khá nhiều các sáng tác văn xuôi xuất hiện cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đều có điểm chung trong phần mở đầu. Đó là phần lớn các truyện đều được bắt đầu bằng lời kể của chính nhân vật hoặc một người nào đó đã chứng kiến câu chuyện và tác giả là người được nghe và chép lại chuyện. Mở đầu *Thầy Lazarô Phiền* (Nguyễn Trọng Quản): “Ai

xuống Bà - rịa, mà có đi ngang qua đất thánh ở trong Cát tại làng Phước – Lễ, thì tôi xin bước vô đất thánh ấy, kiếm cái mồ có cây thánh giá bằng ván, sơn nửa đen nửa trắng, gần một bên nhà thờ những kẻ Từ đạo mà thăm mồ ấy kéo tội nghiệp! Vì đã hai năm nay không ai thăm viếng không ai màng ngó tới. Tôi xin phép thuật lại câu chuyện tôi đã gặp thầy ấy và làm sao thầy ấy đã tỏ truyện mình ra cùng tôi, như sau này”⁽⁷⁾. *Đi giày buồn ngủ* (Mai Nham, đăng trên *Nam Kỳ* tuần báo, số 67, ngày 2 – 2 – 1899) là lời kể lại của tác giả: “Thuở nhỏ, ta có nghe nói tại Bàn Qui, nhà kia vợ chồng có một đứa con...”⁽⁸⁾. *Ôi! Ái tình* (Công Bình, đăng trên *Công Luận* báo, số 501, ngày 2 – 5 – 1922) mở đầu bằng lời thầy thuốc Lương Vân khi trò chuyện cùng chính tác giả: “Ông Công Bình ơi! Thế sự còn gì lạ hơn chuyện này nữa... Tôi muốn thuật lại để ông nghe, nhưng mà chưa thể thuật được; ngày nào người ta còn sống là ngày ấy tôi còn phải giữ việc ấy cho bí mật”⁽⁹⁾ ...

Có thể xem đây là những liệu pháp được các tác giả văn xuôi thời kỳ này áp dụng nhằm tạo cho người đọc cảm giác như họ đang được tiếp xúc với những truyện có thật (hay “giống như thật”) trong thực tế cuộc sống.

Thêm nữa, tiêu chí “tả thực” trong truyện ngắn Nam Bộ đầu thế kỷ XX còn được thể hiện ở những không gian nghệ thuật cụ thể, rõ ràng ở “xứ mình”, như muốn tăng thêm độ tin cậy bằng đặc tính “người thật, việc thật”. Chẳng hạn như:

- Mở đầu *Ai giết người?* của Mãn Châu: “Về cái thời đại gần đây, trong xóm Cầu Đá ở làng Hội Xá, có một người đàn bà góa chồng, tuổi ngoài bốn mươi... Bà vốn người họ Nguyễn, năm hai mươi tuổi thời xe tơ chỉ kết về họ Lê, lấy kế một ông đồ ngoài ba chục...”⁽¹⁰⁾;

- Ở *Truyện mài gương dạy vợ* (Lương Dủ Thúc) là lời giới thiệu ngắn gọn nhưng chi tiết: “Làng Quảng Tế, tỉnh Thanh Hóa, có một người học trò, nhà phú hậu tên Bùi Trung Trí, có vợ đẹp lắm”⁽¹¹⁾;

- Với *Chọn đá thử vàng* (Trần Quang Nghiệp) là sự mô tả địa chỉ của nhân vật hết sức cụ thể: “Thầy giáo Huỳnh – văn – Chiêu là người còn trai trẻ mà chưa có vợ con. Thầy ở đường Lagrandière, gần nhà bà phủ Khương”⁽¹²⁾...

Với tiêu chí “tả thực”, tập trung “viết chuyện xứ mình”, chú trọng đưa yếu tố hiện thực vào văn chương thì sự mở rộng đề tài phản ánh của

tác phẩm đóng vai trò như một hệ quả tất yếu: “Người ta cần hiểu rõ, hiểu kỹ cuộc sống với cả những tình tiết đầy đủ, những chi tiết cụ thể, gây được cảm giác, thỏa mãn được sự tò mò... Người ta muốn ném trái cái có thật (hay có thể thật), chứ không phải được khích lệ bằng những gương trung hiếu, minh họa đạo nghĩa... Người ta muốn xúc cảm, muốn mở mang như những con người, những cá nhân chứ không phải xúc động như khi chiêm ngưỡng tấm gương cao cả của vị thánh xuất chúng”⁽¹³⁾.

Thật vậy, tiếp cận với những tác phẩm văn xuôi đầu thế kỷ XX nói chung, truyện ngắn Nam Bộ nói riêng, độc giả có thể thấy đề tài của tác phẩm đã dần không còn bó hẹp trong “trung, hiếu, tiết, nghĩa” mà là những câu chuyện rất đời thường của nhân tình thế thái, rất gần gũi với những gì xảy ra trong cuộc sống hàng ngày⁽¹⁴⁾ bởi “tả thực đồng nghĩa với việc hướng văn học đến việc phản ánh tất cả những phương diện khác nhau của đời sống xã hội và nhân sinh (...) phá bỏ mọi lĩnh vực cấm kỵ đối với văn chương - điều mà tính quy phạm của văn chương truyền thống rất khó chấp nhận (...) mở ra một chân trời vô tận cho sự phản ánh của văn học (...) tạo ra sự bình đẳng cho tất cả các đề tài trong văn học”⁽¹⁵⁾.

Hầu như tất cả những mảng sáng, tối trong mọi góc ngách của cuộc sống thường nhật đã được truyện ngắn Nam Bộ thời kỳ này đề cập. Độc giả có thể bắt gặp ở các tác phẩm từ việc chống lại những hủ tục khắc nghiệt kìm hãm sự phát triển của cá nhân con người như chống ép duyên trong *Ôi! Ái tình* (Công Bình, *Công Luận* báo, số 501, ngày 2-5-1922), chống mê tín dị đoan trong *Đốt lịch* (Bình Trọng, *Công Luận* báo, số 2000, ngày 14-2-1931) đến những nhố nhăng trong lòng xã hội buổi giao thời thể hiện ở sự huênh hoang, hống hách đến mức khôi hài của lớp nhà giàu mới nổi trong *Chủ nhà phong lưu* (Toản, *Lục tỉnh Tân văn*, số 162, ngày 3-3-1911) hay việc rắp tâm lừa người vốn từng xem nhau như bạn tâm giao để cướp vợ trong *Bạch công tử gặp Hắc công tử* (Mộng Xuân, Nhà in Xưa nay, Sài Gòn, 1925)...; từ phác họa sự vong ân bội nghĩa của con người (*Ôi! Ái tình*, *Ấn mày trúng số* (Trần Quang Nghiệp, *Công Luận* báo, số 2104, ngày 28-6-1931),...) đến việc cảnh tỉnh những kẻ chạy theo hư ảo, những kẻ háo danh (*Cũng vì ham bằng cấp tú tài* (Thanh Nhân, *Công Luận* báo, số 2110, ngày 6-7-1931), *Giả thiệt là ai* (Trần Quang Nghiệp, *Công Luận* báo, số 2029)...) ...Ngoài ra, truyện ngắn Nam Bộ đầu thế kỷ XX còn chuyển tải những mơ ước về sự công bằng xã hội, thể

hiện niềm tin về mối quan hệ nhân quả, báo ứng kiểu gieo gió gặt bão. *Trời Phật công bình* (Trần Quang Nghiệp, đăng trên báo *Thần Chung* năm 1929) là chuyện chàng thanh niên giết người khách trên xe cướp của rồi lại bị cặp vợ chồng – vốn là cặp giết người cướp của chẳng góm tay – sát hại. Tình huống bất ngờ rơi vào kết thúc tác phẩm khi người vợ nhận ra kẻ mà hai vợ chồng vừa giết để cướp của chính là đứa con trai đã thất lạc mấy năm nay. Xét ở một góc độ nhất định, truyện còn mở ra những dấu hiệu đầu tiên của loại truyện trinh thám – một thể loại đã tạo được những dấu ấn nhất định trong đời sống truyện ngắn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945 (chúng tôi sẽ bàn kỹ hơn ở một bài viết khác).

Và đọng lại, điều cốt lõi mà chúng tôi ghi nhận được đó là tiêu chí “tả thực”, nhu cầu “viết chuyện xứ mình” và sự mở rộng biên độ của đề tài phản ánh là những nhân tố thiết yếu đóng vai trò định hướng cho quá trình phát triển của văn xuôi Việt Nam nói chung, của truyện ngắn hiện đại Việt Nam nói riêng.

Dẫu còn tập trung vào thể hiện những quan niệm chủ quan của tác giả về cuộc sống, dẫu vẫn chưa thể thoát ly hoàn toàn cội rễ của thế giới quan Nho giáo (một trong số những mục tiêu sáng tác truyện là tuyên truyền lối sống lành mạnh, cảnh báo những thói hư tật xấu của con người), dẫu có lúc không tránh khỏi xu hướng nghiêng về “tường thuật” (thường là ghi chép một sự việc được nghe kể lại hoặc được tận mắt chứng kiến) nhưng điều không thể phủ nhận là tiêu chí “tả thực” trong truyện ngắn Nam Bộ đầu thế kỷ XX đóng vai trò là một mắt xích quan trọng trong cỗ máy vận hành văn học nước nhà theo hướng hiện đại hóa. Truyện ngắn Nam Bộ đầu thế kỷ XX, xét ở một góc độ nhất định, chính là “cú hích” đầu tiên tạo nên bước chuyển biến đầy ý nghĩa ấy □

(1), (2) Dẫn theo Cao Thị Xuân Mỹ: *Quá trình hiện đại hóa tiểu thuyết Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX*, Luận án Tiến sĩ Văn học Việt Nam, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr. 50, 51.

(3), (9), (11) Cao Xuân Mỹ (biên soạn): *Truyện dài đầu tiên và tuyển tập các truyện ngắn Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, Nxb. Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr.17, 18, 51.

- (4) Vương Trí Nhàn (Sưu tầm và biên soạn): *Những lời bàn về tiểu thuyết trong văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2000, tr.23.
- (5) Trích lại từ bản số hóa *Tạp chí Nam Phong* (phần quốc ngữ), số 17/1918, tr.17.
- (6) Bùi Đức Tịnh: *Những bước đầu của báo chí, truyện ngắn, tiểu thuyết và thơ mới (1865 – 1932)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr. 126.
- (7), (8) Trần Nhật Vy (sưu tầm): *Văn chương Sài Gòn 1881 – 1924*, Tập 1, Nxb. Văn hóa – Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 122,147.
- (10) Nhiều tác giả: *Truyện ngắn Việt Nam thế kỷ XX (giai đoạn 1901 – 1945)*, Nxb. Kim Đồng, H., 2002, tr.163.
- (12) Cao Xuân Mỹ (sưu tầm), Mai Quốc Liên (giới thiệu, 2000): *Văn xuôi Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XX*, Nxb. Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, tr. 157.
- (13) Trần Đình Hượu, Lê Chí Dũng: *Văn học Việt Nam 1900 – 1930*, tái bản, Nxb. Văn học, H., 1996, tr. 25.
- (14) Trong *Truyện ngắn Việt Nam, Lịch sử - Thi pháp – Chân dung* (Phan Cự Đệ chủ biên, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007), tác giả chia truyện ngắn thời kỳ 1900 – 1932 thành bốn khuynh hướng chính: khuynh hướng đạo lý, khuynh hướng yêu nước và cách mạng, khuynh hướng phê phán hiện thực, khuynh hướng lãng mạn thoát li.
- (15) Xin xem Trần Văn Toàn: *Quan niệm về tả thực trong tiểu thuyết giai đoạn giao thời*, đăng trong *Hội thảo các nhà ngữ văn trẻ toàn quốc (lần thứ hai)*, Hà Nội, 2003.